

# CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được soát xét.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái (trước đây là Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bái) được thành lập theo Quyết định số 376/QĐ-UB ngày 17 tháng 12 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200216647 ngày 01 tháng 01 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp bổ sung 07 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh, tên công ty, người đại diện theo pháp luật và vốn điều lệ của công ty.

Vốn điều lệ : 48.374.300.000 VND

### **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái  
Điện thoại : (84-29) 3885154  
Fax : (84-29) 3885585  
E-mail : [ximangyb@gmail.com](mailto:ximangyb@gmail.com)  
Website : [www.ybcmjsc.com](http://www.ybcmjsc.com)  
Mã số thuế : 5200216647

### **Các đơn vị trực thuộc:**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy xi măng	Thị trấn Yên Bình – Yên Bình – Yên Bái
Xí nghiệp khai thác đá	Thị trấn Yên Bình – Yên Bình – Yên Bái
Nhà máy chế biến Cacbonat Canxi	Thị trấn Yên Bình – Yên Bình – Yên Bái

### **Ngành nghề kinh doanh:**

- Khai thác đá vôi cho sản xuất xi măng;
- Sản xuất xi măng;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh và xuất khẩu khoáng sản;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh đá xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh thương mại, dịch vụ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Vận tải hàng hóa.

### **Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 27).

### **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### ***Hội đồng quản trị***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Phạm Quang Phú	Chủ tịch	01 tháng 12 năm 2008	
Ông Vũ Thanh Nghị	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2004	
Ông Đặng Văn Thắng	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2004	
Ông Bùi Mạnh Cường	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2004	
Ông Nguyễn Quang Chiển	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2004	
Ông Phạm Hữu Thọ	Ủy viên	30 tháng 6 năm 2009	
Bà Đỗ Thị Thanh Hương	Ủy viên	30 tháng 6 năm 2009	24 tháng 4 năm 2011
Ông Hajime Kaburagi	Ủy viên	24 tháng 4 năm 2011	

### ***Ban Kiểm soát***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Nghiêm Chang	Trưởng ban	15 tháng 3 năm 2008	
Bà Vũ Thị Thoa	Thành viên	30 tháng 6 năm 2009	24 tháng 4 năm 2011
Bà Hà Thị Thu Phương	Thành viên	30 tháng 6 năm 2009	24 tháng 4 năm 2011
Ông Ngô Văn Minh	Thành viên	24 tháng 4 năm 2011	
Ông Tống Văn Tý	Thành viên	24 tháng 4 năm 2011	

### ***Ban Giám đốc***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Phạm Quang Phú	Giám đốc	01 tháng 12 năm 2008
Ông Đặng Văn Thắng	Phó Giám đốc	08 tháng 11 năm 2004
Ông Bùi Mạnh Cường	Phó Giám đốc	06 tháng 6 năm 2006
Ông Vũ Thanh Nghị	Phó Giám đốc	17 tháng 3 năm 2008
Ông Nguyễn Quang Chiển	Phó Giám đốc	11 tháng 6 năm 2011

### ***Kế toán trưởng***

Ông Vũ Thanh Nghị                      Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2008

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái.

### **Xác nhận của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

---

- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc

**Giám đốc**

---

**Phạm Quang Phú**

Ngày 06 tháng 09 năm 2011

Số: 359/2011/BCTC-KTTV-KT2

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

### **VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 06 tháng 9 năm 2011, từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

---

**Nguyễn Hoàng Đức**

*Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV*

---

**Phạm Quang Huy**

*Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1409/KTV*

Hà Nội, ngày 06 tháng 09 năm 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình - huyện Yên Bình - tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>106,451,611,642</b>	<b>92,927,122,458</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1,723,431,743</b>	<b>8,768,220,809</b>
1. Tiền	111		1,723,431,743	8,768,220,809
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>50,598,827,805</b>	<b>46,964,649,642</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	45,829,558,524	46,019,907,824
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	2,780,381,883	527,476,960
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	2,425,230,517	853,607,977
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(436,343,119)	(436,343,119)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>48,901,956,965</b>	<b>31,330,133,353</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	48,901,956,965	31,330,133,353
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5,227,395,129</b>	<b>5,864,118,654</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	3,487,768,548	4,915,475,631
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			53,170,063
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	110,650,081	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	1,628,976,500	895,472,960

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp** (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>250,675,469,836</b>	<b>258,473,224,167</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>244,609,452,625</b>	<b>252,046,385,594</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	240,086,286,560	249,420,785,609
<i>Nguyên giá</i>	222		404,791,018,804	403,738,730,898
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(164,704,732,244)	(154,317,945,289)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
<i>Nguyên giá</i>	225			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	2,243,504,700	2,243,504,700
<i>Nguyên giá</i>	228		2,307,304,700	2,307,304,700
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(63,800,000)	(63,800,000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	2,279,661,365	382,095,285
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
<i>Nguyên giá</i>	241			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4,262,469,000</b>	<b>4,262,469,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	4,262,469,000	4,262,469,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,803,548,211</b>	<b>2,164,369,573</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1,567,859,381	1,931,520,299
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	235,688,830	232,849,274
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>357,127,081,478</b>	<b>351,400,346,625</b>

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>292,269,185,973</b>	<b>283,642,243,328</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>163,002,914,712</b>	<b>167,995,715,428</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	113,794,571,685	121,338,302,211
2. Phải trả người bán	312	V.17	40,388,452,282	39,345,832,296
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	797,089,703	453,887,925
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	3,704,969,587	1,806,700,310
5. Phải trả người lao động	315		2,910,761,683	3,905,285,605
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	1,835,125,000	957,023,859
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	(428,055,228)	188,683,222
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>129,266,271,261</b>	<b>115,646,527,900</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	114,067,400,000	115,127,400,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		513,727,900	519,127,900
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.23	14,685,143,361	
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>64,857,895,505</b>	<b>67,758,103,297</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.24</b>	<b>64,857,895,505</b>	<b>67,758,103,297</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		48,374,300,000	48,374,300,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9,141,949,000	9,141,949,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		261,000,000	261,000,000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(258,200,000)	(258,200,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			7,077,733
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7,160,537,075	7,160,537,075
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,304,923,993	1,304,923,993
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(1,126,614,563)	1,766,515,496
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			





# CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình - huyện Yên Bình - tỉnh Yên Bái

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2/Năm nay	Quý 2/Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này/năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này/năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	86,624,062,706	78,089,181,571	156,176,341,815	146,430,001,452
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	316,219,031	705,596,940	563,946,450	1,332,405,511
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		86,307,843,675	77,383,584,631	155,612,395,365	145,097,595,941
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	71,234,312,380	61,381,825,606	124,120,769,726	111,881,557,794
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15,073,531,295	16,001,759,025	31,491,625,639	33,216,038,147
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	28,457,986	105,121,198	56,504,760	146,525,179
7. Chi phí tài chính	22		12,793,839,750	8,656,267,932	21,146,618,713	15,320,906,310
Trong đó: chi phí lãi vay	23		12,793,839,750	8,656,267,932	21,146,618,713	15,320,906,310
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	6,424,841,800	5,587,653,921	10,903,340,904	12,901,803,720
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	2,144,759,538	1,859,811,369	3,975,420,810	4,175,297,309
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6,261,451,807)	3,147,001	(4,477,250,028)	964,555,987
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1,591,618,826	73,755,454	1,591,618,826	1,209,074,454
12. Chi phí khác	32		7,498,857		7,498,857	
13. Lợi nhuận khác	40		1,584,119,969	73,755,454	1,584,119,969	1,209,074,454
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45					

15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4,677,331,838)	76,902,455	(2,893,130,059)	2,173,630,441
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51			8,147,744		104,288,644
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(4,677,331,838)</u>	<u>68,754,711</u>	<u>(2,893,130,059)</u>	<u>2,069,341,797</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>(967)</u>	<u>14</u>	<u>(601)</u>	<u>430</u>

Lập ngày 6 tháng 9 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Tiên

Vũ Thanh Nghị

Phạm Quang Phú

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình - huyện Yên Bình - tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kê từ đầu năm	Luỹ kê từ đầu
			đến cuối quý này/Năm nay	năm đến cuối quý này/Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(2,893,130,059)	2,173,630,441
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10	10,386,786,955	9,573,004,851
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			(54,545,454)
- Chi phí lãi vay	06		21,146,618,713	15,320,906,310
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		28,640,275,609	27,012,996,148
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4,425,161,721)	(16,326,556,026)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(17,571,823,612)	(13,423,404,621)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		16,469,612,538	8,784,659,247
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,791,368,001	212,696,951
- Tiền lãi vay đã trả	13		(21,146,618,713)	(15,320,906,310)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(331,427,600)	(557,584,200)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(619,578,006)	(200,245,300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>2,806,646,496</b>	<b>(9,818,344,111)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,247,705,036)	(6,782,199,778)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			54,545,454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1,247,705,036)</b>	<b>(6,727,654,324)</b>

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		97,644,539,456	108,464,135,383
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(106,248,269,982)	(96,546,046,533)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(3,748,992,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(8,603,730,526)</b>	<b>8,169,096,850</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(7,044,789,066)</b>	<b>(8,376,901,585)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>8,768,220,809</b>	<b>11,533,993,667</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>1,723,431,743</b>	<b>3,157,092,082</b>

Lập ngày 6 tháng 9 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Tiến

Vũ Thanh Nghị

Phạm Quang Phú

# **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất – thương mại
- 3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm** :
  - Khai thác đá vôi cho sản xuất xi măng;
  - Sản xuất xi măng;
  - Khai thác, chế biến, kinh doanh và xuất khẩu khoáng sản;
  - Khai thác, chế biến, kinh doanh đá xây dựng;
  - Vận tải hàng hóa.
- 4. Nhân viên**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 Công ty có 519 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 538 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- 1. Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

# CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc.

*Bao gồm:*

- Nhà máy xi măng
- Xi nghiệp khai thác đá
- Nhà máy chế biến Cacbonat Canxi

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trị giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền quý và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ** (tiếp theo)

---

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	8 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 – 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

### 6. Tài sản cố định vô hình

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

### 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

### 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### 9. Chi phí trả trước dài hạn

***Chi phí quyền khai thác khoáng sản:*** được phân bổ theo thời gian được quyền khai thác khoáng sản.

### 10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu, được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### 11. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **12. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi chuyển đổi sang Công ty Cổ phần (từ năm 2004). Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 02 năm đầu tiên (năm 2004 và 2005) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 06 năm tiếp theo (từ năm 2006)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng.

### **13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu kỳ sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31/12/2010: 18.932 VND/USD

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 30/06/2011: 20.618 VND/USD

### **14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

### **15. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### 16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	573.094.270	1.886.260.697
Tiền gửi ngân hàng	1.150.337.473	6.881.960.112
<b>Cộng</b>	<b><u>1.723.431.743</u></b>	<b><u>8.768.220.809</u></b>

### 2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng xi măng	28.790.615.794	28.918.213.801
Khách hàng bột đá	10.695.233.909	14.601.063.672
Khách hàng Klinker	6.330.653.071	2.436.254.601
Khách hàng khác	13.055.750	64.375.750
<b>Cộng</b>	<b><u>45.829.558.524</u></b>	<b><u>46.019.907.824</u></b>

### 3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp nguyên liệu, vật tư	2.296.636.411	125.388.560
Nhà cung cấp xây dựng cơ bản dở dang	100.000.000	100.000.000
Nhà cung cấp khác	383.745.472	302.088.400
<b>Cộng</b>	<b><u>2.780.381.883</u></b>	<b><u>527.476.960</u></b>

### 4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trợ cấp ốm đau thai sản	256.920.831	118.033.131
Phải thu cán bộ Công nhân viên (tiền bán xi măng)	311.270.000	479.958.000
Phải thu về hỗ trợ lãi suất	1.028.908.891	-
BHXX phải thu	23.670.638	10.352.395
Thuế thu nhập cá nhân	-	59.165.515
Ông Vũ Xuân Nguyên – Cho vay không tính lãi	190.000.000	-
Ông Tổng Văn Tý – Cho vay không tính lãi	190.000.000	-
Ông Chu Văn Ân – Cho vay không tính lãi	190.000.000	-
Các khoản phải thu khác	234.460.157	186.098.936
<b>Cộng</b>	<b><u>2.425.230.517</u></b>	<b><u>853.607.977</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với tỷ lệ 100% đối với các khoản công nợ đã quá hạn trên 3 năm.

### 6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	39.935.535.431	22.248.697.944
Công cụ, dụng cụ	700.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.287.744.317	8.330.658.736
Thành phẩm	1.677.977.217	750.776.673
<b>Cộng</b>	<b><u>48.901.956.965</u></b>	<b><u>31.330.133.353</u></b>

### 7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa tài sản	2.869.067.732	4.729.804.609
Chi phí CCDC	32.861.301	83.660.000
Chi phí bảo hiểm	28.364.002	28.364.002
Chi phí khác	557.475.513	73.647.020
<b>Cộng</b>	<b><u>3.487.768.548</u></b>	<b><u>4.915.475.631</u></b>

### 8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa

### 9. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng của cán bộ công nhân viên

## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	142.573.569.585	244.053.364.597	17.111.796.716	-	403.738.730.898
Tăng do mua sắm mới	1.032.765.179	-	-	19.522.727	1.052.287.906
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>143.606.334.764</u></b>	<b><u>244.053.364.597</u></b>	<b><u>17.111.796.716</u></b>	<b><u>19.522.727</u></b>	<b><u>404.791.018.804</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	22.460.163.060	34.264.671.237	1.978.369.832	-	58.703.204.129
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	44.593.874.014	103.939.243.970	5.784.827.305	-	154.317.945.289
Tăng do khấu hao trong kỳ	2.659.093.554	7.051.141.324	676.552.077	-	10.386.786.955
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>47.252.967.568</u></b>	<b><u>110.990.385.294</u></b>	<b><u>6.461.379.382</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>164.704.732.244</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	97.979.695.571	140.114.120.627	11.326.969.411	-	249.420.785.609
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>96.353.367.196</u></b>	<b><u>133.062.979.303</u></b>	<b><u>10.650.417.334</u></b>	<b><u>19.522.727</u></b>	<b><u>240.086.286.560</u></b>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 404.771.496.077 VND và 240.066.763.833 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn.

### 11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	2.243.504.700	63.800.000	2.307.304.700
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>2.243.504.700</u></b>	<b><u>63.800.000</u></b>	<b><u>2.307.304.700</u></b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	63.800.000	63.800.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>63.800.000</u></b>	<b><u>63.800.000</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	2.243.504.700	-	2.243.504.700
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>2.243.504.700</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>2.243.504.700</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
XDCB dở dang	217.373.788	195.417.130	-	412.790.918
<i>Nhà máy xi măng</i>	<i>14.994.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>14.994.000</i>
<i>Xí nghiệp đá</i>	<i>202.379.788</i>	<i>195.417.130</i>	<i>-</i>	<i>397.796.918</i>
Sửa chữa lớn TSCĐ	164.721.497	1.867.783.950	(165.635.000)	1.866.870.447
<i>Văn phòng</i>	<i>62.032.107</i>	<i>1.867.783.950</i>	<i>(165.635.000)</i>	<i>1.764.181.057</i>
<i>Nhà máy xi măng</i>	<i>102.689.390</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>102.689.390</i>
<b>Cộng</b>	<b>382.095.285</b>	<b>2.063.201.080</b>	<b>(165.635.000)</b>	<b>2.279.661.365</b>

### 13. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình, với tỷ lệ 1,67%.

### 14. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí đo vẽ bản đồ, quyền khai thác khoáng sản	373.557.000	-	(37.355.700)	336.201.300
Chi phí đền bù hoa màu trên mỏ khai thác đá	268.529.573	-	(67.132.392)	201.397.181
Chi phí giải phóng mặt bằng khai thác đá	1.016.012.700	-	(170.810.160)	845.202.540
Tiền bảo hiểm tàu và cháy nổ	23.601.859	-	(20.230.164)	3.371.695
Chi phí khoan thăm dò, đền bù, GPMB mỏ đá Tân Minh	249.819.167	-	(68.132.502)	181.686.665
<b>Cộng</b>	<b>1.931.520.299</b>	<b>-</b>	<b>(363.660.918)</b>	<b>1.567.859.381</b>

### 15. Tài sản dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn

### 16. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>90.958.471.685</b>	<b>88.983.702.211</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Yên Bái	56.980.097.605	63.989.534.131
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Yên Bình	33.978.374.080	24.994.168.080
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>22.836.100.000</b>	<b>32.354.600.000</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Yên Bái và ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Yên Bái	22.836.100.000	32.354.600.000
<b>Cộng</b>	<b>113.794.571.685</b>	<b>121.338.302.211</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	88.983.702.211	95.394.539.456	(93.419.769.982)	90.958.471.685
Vay dài hạn đến hạn trả	32.354.600.000	-	(9.518.500.000)	22.836.100.000
<b>Cộng</b>	<b>121.338.302.211</b>	<b>95.394.539.456</b>	<b>(102.938.269.982)</b>	<b>113.794.571.685</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### 17. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp nguyên liệu, vật tư	34.803.177.889	29.730.120.740
Nhà cung cấp xây dựng cơ bản dở dang	105.160.829	112.679.605
Nhà cung cấp khác	5.480.113.564	9.503.031.951
<b>Cộng</b>	<b><u>40.388.452.282</u></b>	<b><u>39.345.832.296</u></b>

### 18. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng xi măng	65.611.097	276.027.790
Khách hàng bột đá	577.316.386	95.400.035
Khách hàng Klinker	154.162.220	82.460.100
<b>Cộng</b>	<b><u>797.089.703</u></b>	<b><u>453.887.925</u></b>

### 19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.044.994.591	4.686.727.988	(2.941.279.192)	2.790.443.387
Thuế xuất, nhập khẩu	-	44.250.000	(44.250.000)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	220.777.519	-	(331.427.600)	(110.650.081)
Thuế thu nhập cá nhân	-	72.974.581	(72.974.581)	-
Thuế tài nguyên	331.427.600	915.741.500	(574.949.100)	672.220.000
Tiền thuê đất	-	110.915.409	(110.915.409)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí bảo vệ môi trường	209.500.600	328.904.700	(296.099.100)	242.306.200
<b>Cộng</b>	<b><u>1.806.700.310</u></b>	<b><u>6.162.514.178</u></b>	<b><u>(4.374.894.982)</u></b>	<b><u>3.594.319.506</u></b>

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.8).

#### ***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### ***Thuế xuất, nhập khẩu***

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.893.130.059)	2.173.630.441
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	335.068.300	(1.130.744.000)
Các khoản điều chỉnh tăng		
<i>Thù lao Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành</i>	84.000.000	-
<i>Chi phí lãi vay vượt mức quy định</i>	251.068.300	-
Các khoản điều chỉnh giảm		
<i>Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư</i>	-	(1.130.744.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	(2.558.061.759)	1.042.886.441
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	-	208.577.288
Tỷ lệ thuế TNDN được giảm	50%	50%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</b>	-	(104.288.644)
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>104.288.644</b>

### **Thuế tài nguyên**

Công ty nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đất, đá nguyên liệu với mức thuế suất từ 5% đến 7% trên giá tính thuế đơn vị tài nguyên.

### **Thuế nhà đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

## **20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Kinh phí công đoàn	33.906.220	-
Bảo hiểm xã hội, bảo bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.386.577.321	709.054.914
Phải trả về tiền bảo lãnh dự thầu	-	100.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	35.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	1.859.000
Phải trả khác	379.641.459	146.109.945
<b>Cộng</b>	<b>1.835.125.000</b>	<b>957.023.859</b>

## **21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</b>	<b>Chi quỹ trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Quỹ khen thưởng	215.568	-	-	215.568
Quỹ phúc lợi	188.467.654	-	(616.738.450)	(428.270.796)
<b>Cộng</b>	<b>188.683.222</b>	<b>-</b>	<b>(616.738.450)</b>	<b>(428.055.228)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### 22. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>105.771.400.000</b>	<b>105.771.400.000</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Yên Bái <sup>(i)</sup>	6.128.000.000	6.128.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Yên Bái và ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Yên Bái <sup>(ii)</sup>	99.643.400.000	99.643.400.000
<b>Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>8.296.000.000</b>	<b>9.356.000.000</b>
Văn phòng Tinh ủy Yên Bái	3.250.000.000	3.250.000.000
Vay cá nhân	5.046.000.000	6.106.000.000
<b>Cộng</b>	<b>114.067.400.000</b>	<b>115.127.400.000</b>

- (i) Là khoản vay dài hạn ngân hàng Đầu tư và Phát triển Yên Bái theo các hợp đồng:  
- Hợp đồng số 01/2008/HĐ ngày 27/12/2008 để đầu tư dự án công trình trạm đập và vận chuyển đá vôi nhà máy xi măng Yên Bái công suất 450.000 tấn/ năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất 12,75%/ năm.  
- Hợp đồng số 01/2005HĐ ngày 14/04/2005 để đầu tư mở rộng nâng công suất nghiền siêu mịn bột Cacbonat Canxi. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng một lần.

- (ii) Là khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Yên Bái và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh tỉnh Yên Bái (trong đó Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Yên Bái là Ngân hàng đầu mối) theo hợp đồng tín dụng số 01/05/HĐTD để đầu tư dự án mở rộng nhà máy xi măng Yên Bái công suất 300.000 tấn

#### Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	128.607.500.000	22.836.100.000	105.771.400.000	-
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	8.296.000.000	-	8.296.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>136.903.500.000</b>	<b>22.836.100.000</b>	<b>114.067.400.000</b>	<b>-</b>

#### Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn ngân hàng	105.771.400.000	-	-	105.771.400.000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	9.356.000.000	2.250.000.000	(3.310.000.000)	8.296.000.000
<b>Cộng</b>	<b>115.127.400.000</b>	<b>2.250.000.000</b>	<b>(3.310.000.000)</b>	<b>114.067.400.000</b>

### 23. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu bán xi măng đã xuất hóa đơn nhưng chưa giao hàng

## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ** (tiếp theo)

### 24. Vốn chủ sở hữu

#### *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	48.374.300.000	9.141.949.000	261.000.000	(258.200.000)	-	7.160.537.075	1.770.193.924	6.255.093.000	72.704.872.999
Lợi nhuận trong năm trước								1.766.515.496	1.766.515.496
Chênh lệch tỷ giá cuối năm trước					7.077.733				7.077.733
Chia cổ tức năm trước								(6.255.093.000)	(6.255.093.000)
Xử lý công nợ không có khả năng thu hồi							(465.269.931)		(465.269.931)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>48.374.300.000</b>	<b>9.141.949.000</b>	<b>261.000.000</b>	<b>(258.200.000)</b>	<b>7.077.733</b>	<b>7.160.537.075</b>	<b>1.304.923.993</b>	<b>1.766.515.496</b>	<b>67.758.103.297</b>
Số dư đầu năm nay	48.374.300.000	9.141.949.000	261.000.000	(258.200.000)	7.077.733	7.160.537.075	1.304.923.993	1.766.515.496	67.758.103.297
Lợi nhuận trong kỳ này								(2.893.130.059)	(2.893.130.059)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá cuối năm trước					(7.077.733)				(7.077.733)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>48.374.300.000</b>	<b>9.141.949.000</b>	<b>261.000.000</b>	<b>(258.200.000)</b>	<b>-</b>	<b>7.160.537.075</b>	<b>1.304.923.993</b>	<b>(1.126.614.563)</b>	<b>64.857.895.505</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	19.277.700.000	19.277.700.000
Vốn góp của các cổ đông	29.096.600.000	29.096.600.000
Thặng dư vốn cổ phần	9.141.949.000	9.141.949.000
Cổ phiếu quỹ	(258.200.000)	(258.200.000)
Vốn khác của chủ sở hữu	261.000.000	261.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>57.519.049.000</u></b>	<b><u>57.519.049.000</u></b>

### *Cổ phiếu*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.837.430	4.837.430
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.837.430	4.837.430
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	25.820	25.820
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.820	25.820
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.811.610	4.811.610
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.811.610	4.811.610
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>156.176.341.815</b>	<b>146.430.001.452</b>
Doanh thu bán thành phẩm	155.817.946.744	146.028.073.694
Doanh thu cung cấp dịch vụ	358.395.071	401.927.758
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	<b>(563.946.450)</b>	<b>(1.332.405.511)</b>
Chiết khấu thương mại	(563.946.450)	(1.303.908.511)
Giảm giá hàng bán	-	(28.497.000)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>155.612.395.365</u></b>	<b><u>145.097.595.941</u></b>

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	123.762.374.655	111.479.630.036
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	358.395.071	401.927.758
<b>Cộng</b>	<b><u>124.120.769.726</u></b>	<b><u>111.881.557.794</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	47.208.393	77.802.665
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.296.367	68.722.514
<b>Cộng</b>	<b>56.504.760</b>	<b>146.525.179</b>

### 4. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.079.165.009	753.029.596
Chi phí vật liệu, bao bì	155.716.118	255.620.923
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	29.414.965
Chi phí khấu hao TSCĐ	56.073.200	56.073.263
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.604.955.241	11.046.805.286
Chi phí bằng tiền khác	1.007.431.336	760.859.687
<b>Cộng</b>	<b>10.903.340.904</b>	<b>12.901.803.720</b>

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.333.693.013	2.316.354.596
Chi phí vật liệu quản lý	289.715.230	179.836.148
Chi phí đồ dùng văn phòng	101.116.000	62.520.909
Chi phí khấu hao TSCĐ	128.685.236	189.158.588
Thuế, phí và lệ phí	300.141.737	264.936.491
Chi phí dịch vụ mua ngoài	118.646.559	467.245.693
Chi phí bằng tiền khác	703.423.035	695.244.884
<b>Cộng</b>	<b>3.975.420.810</b>	<b>4.175.297.309</b>

### 6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hỗ trợ lãi suất	1.590.997.891	1.130.744.000
Thu thanh lý TSCĐ	-	54.545.454
Thu khác	620.935	23.785.000
<b>Cộng</b>	<b>1.591.618.826</b>	<b>1.209.074.454</b>

### 7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.893.130.059)	2.069.341.797
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.893.130.059)	2.069.341.797
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.811.610	4.811.610
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(601)</b>	<b>430</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch với các thành viên chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	340.602.783	482.000.000
Tiền thưởng	-	-
Phụ cấp	186.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>526.602.783</b>	<b>482.000.000</b>

#### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

##### *Lĩnh vực kinh doanh*

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh xi măng và Klinker
- Lĩnh vực kinh doanh bột đá.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở phụ lục 01 đính kèm.

##### *Khu vực địa lý*

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

#### 3. Thông tin so sánh

Số dư đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn.

Lập ngày 06 tháng 09 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Tiến

Vũ Thanh Nghị

Phạm Quang Phú